UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Đính kèm Tờ trình số /TTr-SKHCN ngày tháng năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố)

1. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế: Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước, Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai, Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

2. Đối với văn bản ban hành mới:

Dự thảo Nghị quyết Quy định một số chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao công nghệ của thành phố Đồng Nai

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
1/ Khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16; Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; Nghị định số 262/2025/NĐ-CP và Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, theo nội dung tương ứng về KH,CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thẩm quyền HĐND thành phố theo Khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 2/ - Nghị quyết số 12/2021, Điều 1: hỗ trợ tổ chức, cá nhân trong nước đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ tại Bình Phước; ưu tiên doanh	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** Nghị quyết này quy định nguyên tắc, nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ và hình thức hỗ trợ, cụ thể: hỗ trợ hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo các cấp; hỗ trợ công bố quốc tế các kết quả nghiên cứu khoa học; hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ các công nghệ và sản xuất thử nghiệm; hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ; hỗ trợ giới thiệu, kết nối công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới và kết quả nghiên cứu; hỗ trợ đầu	– Điều chỉnh cụ thể phạm vi theo nội dung được giao Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết tại Khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị. – Hợp nhất phạm vi các chính sách trước đây, mở rộng từ doanh nghiệp sang tổ chức, cá nhân, hợp tác xã trong nước.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
nghiệp KH&CN và lĩnh vực thế mạnh. - Nghị quyết số 17/2023: điều chỉnh hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn Đồng Nai.	tư công nghệ mới, đổi mới công nghệ và ứng dụng khoa học, công nghệ (bao gồm các hoạt động ứng dụng, tiếp nhận, chuyển giao, hoàn thiện, làm chủ và đổi mới công nghệ) cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã có nguồn vốn trong nước hoạt động trên địa bàn thành phố Đồng Nai.	
Điều 2 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15: quy định đối tượng áp dụng gồm cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP: áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở trung ương và địa phương; doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan Điểm c, Khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16. Nghị quyết số 31/2023, Điều 1: chính sách nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đầu tư và đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp trong nước tại Đồng Nai; không áp dụng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	**Điều 2. Đối tượng áp dụng** 1. Tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; 2. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã trong nước được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố Đồng Nai; 3. Các loại hình tổ chức khác có nguồn vốn trong nước hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố Đồng Nai theo quy định của pháp luật; 4. Không áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã có vốn đầu tư nước ngoài.	Bổ sung đầy đủ các chủ thể tham gia cơ chế hỗ trợ, gồm: Cơ quan quản lý nhiệm vụ; đối tượng thụ hưởng chính sách. Việc xác định rõ từng nhóm đối tượng nhằm phân định trách nhiệm trong tuyển chọn, phê duyệt, tổ chức hỗ trợ, quản lý và quyết toán kinh phí. Hợp nhất phạm vi các chính sách trước đây, mở rộng từ doanh nghiệp sang tổ chức, cá nhân, hợp tác xã trong nước.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Khoản 2 Điều 6 Luật số 93/2025/QH15: quy định các chính sách của Nhà nước về tăng cường đầu tư, cơ chế tài chính linh hoạt, ưu đãi thuế, hỗ trợ nghiên cứu, phát triển công nghệ, chuyển giao, thương mại hóa và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, làm chủ và sáng tạo công nghệ; trong đó có điểm b, điểm c và điểm e khoản 2 Điều 6. Khoản 1 Điều 9 Luật số 93/2025/QH15: rủi ro trong hoạt động KH,CN&ĐMST được chấp nhận theo Luật và pháp luật có liên quan, đồng thời phải bảo đảm biện pháp quản trị rủi ro phù hợp Điểm c Khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16. Nghị quyết số 12/2021, Điều 2: công khai, minh bạch, bình đẳng, hiệu quả; không hỗ trợ nội dung đã sử dụng ngân sách; cho phép hỗ trợ nhiều nội dung khi đủ điều kiện; yêu cầu báo cáo hằng năm. Nghị quyết số 31/2023, Điều 2: không hỗ trợ trùng lặp; mỗi thời điểm doanh nghiệp lựa chọn một chính sách, sau khi hoàn tất có thể xét nội dung khác.	**Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ** 1. Việc hỗ trợ phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, hiệu quả, đúng mục đích, không trùng lặp. 2. Trường hợp tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện đầu tư nhiều nội dung khác nhau trong phạm vi quy định tại Nghị quyết này thì sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng nội dung khác nhau nếu đủ điều kiện. Trong trường hợp cùng một nội dung hỗ trợ được quy định tại nhiều chính sách khác nhau của thành phố, của trung ương thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách phù hợp nhất; 3. Ưu tiên hỗ trợ các dự án đổi mới công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển của thành phố; thuộc Danh mục công nghệ chiến lược, danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành; dự án có khả năng tạo giá trị gia tăng, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm; 4. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã được nhận hỗ trợ phải đảm bảo sử dụng nguồn hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và báo cáo việc sử dụng chi tiết nguồn hỗ trợ cho Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm. 5. Đối tượng được hưởng hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết này nếu vi phạm nguyên tắc, điều	Luật Phát triển đô thị không quy định riêng nguyên tắc hỗ trợ riêng; tuy nhiên, việc bổ sung Điều này là cần thiết để xác lập nguyên tắc chung, xuyên suốt trong tổ chức thực hiện, bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng, đúng đối tượng, đúng nội dung và không trùng lặp. Trường hợp cùng một nội dung hỗ trợ có nhiều mức khác nhau thì đối tượng được chọn áp dụng mức ưu đãi có lợi nhất; Tuân thủ các quy định về điều kiện, tiêu chí và cam kết của đối tượng thụ hưởng. Phân cấp/đơn giản hóa thủ tục: Tạo cơ sở rõ ràng, giảm bớt thủ tục đối soát phức tạp cho các cơ quan thẩm định phê duyệt kinh phí. Áp dụng cơ chế loại trừ hoặc miễn, giảm trách nhiệm trong phạm vi và theo điều kiện pháp luật quy định.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	kiện hỗ trợ hoặc không có khả năng tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thì phải hoàn trả kinh phí đã được hỗ trợ về ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.	
- Nghị quyết số 12/2021, Điều 3: hỗ trợ dự án đầu tư ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ. - Nghị quyết số 17/2023: chính sách hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ, gắn điều kiện, hồ sơ, hình thức và mức hỗ trợ. - Nghị quyết số 31/2023, Điều 3 khoản 3: hỗ trợ tư vấn chuyển giao, mua thiết kế, thuê chuyên gia nước ngoài, đào tạo nhân lực.	**Điều 4. Hỗ trợ hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.** 1. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được nghiệm thu đạt yêu cầu và thực hiện hoạt động hoàn thiện, phát triển kết quả để ứng dụng hoặc thương mại hóa. 2. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoàn thiện, phát triển quy trình công nghệ; thử nghiệm trực tiếp phục vụ việc hoàn thiện, phát triển kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ. 3. Điều kiện hỗ trợ: - Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được nghiệm thu đạt yêu cầu theo quy định; - Kết quả có khả năng tiếp tục hoàn thiện, phát triển để ứng dụng hoặc thương mại hóa; - Đối tượng đề nghị hỗ trợ có quyền sở hữu	Tập trung hỗ trợ chi phí dịch vụ trung gian và nghiệp vụ chuyển giao, mức tối đa 50% và 200 triệu đồng/hợp đồng/năm/đối tượng.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	hoặc quyền sử dụng hợp pháp và quyền tiếp tục hoàn thiện, phát triển kết quả; - Có dự án hoàn thiện, phát triển, trong đó xác định mục tiêu, nội dung, tiến độ, kinh phí và kết quả dự kiến; - Có khả năng bảo đảm phần kinh phí còn lại để thực hiện dự án hoặc phương án. 4. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 30% chi phí thực tế, hợp pháp, hợp lệ của các nội dung được hỗ trợ; mức hỗ trợ tối đa 03 tỷ đồng/dự án. 5. Hình thức: Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ. 6. Thành phần hồ sơ * Hồ sơ đề nghị hỗ trợ - Văn bản đề nghị hỗ trợ; - Tài liệu chứng minh kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được nghiệm thu đạt yêu cầu; - Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp và quyền tiếp tục hoàn thiện, phát triển kết quả; - Dự án hoặc phương án hoàn thiện, phát triển; - Tài liệu chứng minh hoặc cam kết bảo đảm phần kinh phí còn lại. * Hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ - Văn bản đề nghị thanh toán;	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	- Báo cáo kết quả thực hiện dự án hoặc phương án; - Tài liệu đánh giá, xác nhận kết quả hoàn thiện, phát triển theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; - Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu hợp pháp, hợp lệ chứng minh chi phí thực tế phát sinh đối với từng nội dung được hỗ trợ.	
Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 6, khoản 2 và khoản 4 Điều 30 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; căn cứ các quy định có liên quan của Nghị định số 267/2025/NĐ-CP về thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	**Điều 5. Hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đồng Nai.** 1. Đối tượng hỗ trợ. Tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố thực hiện ứng dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố. 2. Điều kiện hỗ trợ: - Kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ứng dụng, nhân rộng đã được cơ quan có thẩm quyền đánh giá nghiệm thu/ đánh giá cuối kỳ xếp loại đạt trở lên; có địa chỉ ứng dụng trên địa bàn thành phố. - Ưu tiên ứng dụng và nhân rộng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ được đầu tư từ ngân sách của thành phố. - Không hỗ trợ các tổ chức cá nhân đã thực	Quy định được xây dựng nhằm khuyến khích ứng dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào thực tiễn, nâng cao hiệu quả khai thác kết quả nghiên cứu, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Chính sách hỗ trợ được đề xuất theo hướng ưu tiên các mô hình mang lại lợi ích cộng đồng, địa bàn khó khăn và kết quả nghiên cứu được đầu tư từ ngân sách thành phố; đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch, tránh hỗ trợ trùng lặp và sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	hiện cùng nội dung đề nghị hỗ trợ dưới hình thức nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025. 3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. 4. Nội dung và mức hỗ trợ Mức hỗ trợ xây dựng mô hình được xác định căn cứ nhu cầu thực tế của từng mô hình trên cơ sở kết quả thẩm định và ý kiến đánh giá, xét duyệt của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ. Cụ thể: a) Hỗ trợ 100% tổng kinh phí thực hiện đối với các mô hình ứng dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu có tác động phục vụ phát triển lợi ích chung của cộng đồng, mang tính chất phi lợi nhuận, mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng/mô hình. b) Hỗ trợ 70% tổng kinh phí thực hiện đối với các mô hình ứng dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu triển khai tại địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, mức hỗ trợ tối đa không quá 02 tỷ đồng/ mô hình. c) Hỗ trợ 50% tổng kinh phí thực hiện đối với các mô hình ứng dụng và nhân rộng kết quả nghiên cứu không thuộc các lĩnh vực nêu tại điểm a, điểm b khoản này, mức hỗ trợ tối đa 1,5 tỷ đồng/	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	mô hình. 5. Thành phần hồ sơ a) Văn bản đề nghị hỗ trợ thực hiện mô hình nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ của đơn vị, tổ chức; b) Phương án hoặc kế hoạch triển khai mô hình nhân rộng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó nêu rõ mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian, kinh phí thực hiện, hạch toán hiệu quả kinh tế (nếu có) và dự kiến kết quả.	
Điều 59 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP quy định rõ nội dung hỗ trợ hoạt động nâng cao tiềm lực và năng lực nghiên cứu khoa học, trong đó có hỗ trợ chi phí thẩm định, xử lý bài báo để đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế.	**Điều 6. Hỗ trợ công bố quốc tế các kết quả nghiên cứu khoa học thuộc diện biên chế công chức, viên chức thành phố Đồng Nai.** 1. Đối tượng hỗ trợ: a) Tác giả chính là công chức, viên chức thuộc đối tượng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đồng Nai. b) Bài báo được công bộ trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín thuộc hệ thống ISI –Web of Science (WoS) hoặc Scopus hoặc ACI (Asean Citation Index), có phản biện, có chỉ số ảnh hưởng trong thời gian Quy định này có hiệu lực; c) Bài báo có địa chỉ tác giả ghi rõ cơ quan, đơn vị công tác tại Đồng Nai; d) Bài báo phải có minh chứng về công bố	Khuyến khích trí thức tự thân, nâng cao chất lượng đội ngũ nghiên cứu của thành phố, phù hợp với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực khoa học và đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết 57-NQ/TW. Hiện nay, chi phí thẩm định và xuất bản (Article Processing Charge – APC) khi đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín (Q1, Q2) thường dao động từ 1.000–1.500 USD/bài (tương đương 25–40 triệu đồng). Do đó, mức hỗ trợ dự kiến 20–30 triệu đồng/bài, tùy theo phân hạng tạp chí: Không tạo gánh nặng ngân sách, chỉ mang tính bù đắp một phần chi phí cho

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	(file bài báo, DOI, thư xác nhận của tạp chí hoặc trích lục từ cơ sơ dữ liệu tạp chí quốc tế). 2. Mức hỗ trợ Kết quả khoa học được công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc ISI, Scopus: Q1:30 triệu đồng/bài báo, Q2: 25 triệu đồng/ bài báo và 20 triệu đồng/ bài báo cho các tạp chí quốc tế còn lại (bao gồm cả hệ thống ACI – ASEAN Citation Index). 3. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ chi trả trực tiếp cho tác giả chính (người được ghi tên đầu tiên trong danh sách tác giả) của kết quả khoa học được công bố 4. Thành phần hồ sơ gồm: a) Đơn đề nghị hỗ trợ công bố quốc tế của tác giả có xác nhận của cơ quan. b) Bản sao bài báo đã công bố, có đầy đủ thông tin tạp chí, tác giả, số DOI. Tài liệu xác nhận tạp chí thuộc danh mục ISI –WoS, Scopus hoặc ACI (trích từ cơ sở dữ liệu chính thức).	tác giả
- Nghị quyết số 31/2023, Điều 3 khoản 2: hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên tiến, sản xuất thử nghiệm; mức 30% tổng kinh phí, tối đa 1 tỷ đồng/doanh nghiệp; thông qua giao nhiệm vụ KH&CN. - Nghị quyết số 12/2021, Điều 3: hỗ trợ nghiên	**Điều 7. Hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ các công nghệ và sản xuất thử nghiệm** 1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này thực hiện dự án nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ hoặc	Kế thừa nhóm nghiên cứu/làm chủ công nghệ và đề xuất tăng trần từ 1 lên 3 tỷ đồng/dự án, mức 30%; thay hình thức giao nhiệm vụ KH&CN bằng hỗ trợ trực tiếp.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
cứu tạo công nghệ mới, thiết kế chế tạo thiết bị, giải mã và ươm tạo công nghệ.	sản xuất thử nghiệm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. 2. Nội dung hỗ trợ: - Chi phí thuê chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện trực tiếp nội dung nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ; - Chi phí thuê dịch vụ kỹ thuật phục vụ trực tiếp hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm và đánh giá công nghệ; - Chi phí vật tư, nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm và sản xuất thử nghiệm; - Chi phí thử nghiệm, kiểm định, đánh giá kết quả trực tiếp phục vụ dự án; - Chi phí sản xuất thử nghiệm sản phẩm hoặc quy trình công nghệ hình thành từ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ. Các hoạt động hỗ trợ tập trung vào Danh mục công nghệ chiến lược, danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành có khả năng góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, năng suất lao động, chất lượng hoặc hiệu quả sản xuất, kinh doanh. 3. Điều kiện hỗ trợ: - Công nghệ, sản phẩm hoặc quy trình công nghệ thuộc phạm vi hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này;	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	- Có dự án nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ hoặc sản xuất thử nghiệm, trong đó xác định mục tiêu, nội dung, tiến độ, kinh phí và kết quả dự kiến; - Dự án có khả năng góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, năng suất lao động, chất lượng hoặc hiệu quả sản xuất, kinh doanh; - Có năng lực tổ chức thực hiện và bảo đảm phần kinh phí còn lại của dự án; - Đối với hoạt động sản xuất thử nghiệm, sản phẩm hoặc quy trình công nghệ phải được hình thành từ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng hoặc làm chủ công nghệ của dự án. 4. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 30% chi phí thực tế, hợp pháp, hợp lệ của các nội dung quy định tại điểm b khoản này; mức hỗ trợ tối đa 03 tỷ đồng/dự án. 5. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ. 6. Thành phần hồ sơ * Hồ sơ đề nghị hỗ trợ - Văn bản đề nghị hỗ trợ; - Tài liệu chứng minh thuộc đối tượng hỗ trợ; - Dự án nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ hoặc sản xuất thử nghiệm, trong đó xác định mục tiêu, công nghệ, nội dung, tiến độ, kết quả dự kiến và dự toán kinh phí;	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	- Tài liệu chứng minh, mô tả khái quát về công nghệ, sản phẩm hoặc quy trình công nghệ; - Tài liệu chứng minh hoặc cam kết bảo đảm phần kinh phí còn lại. * Hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ - Văn bản đề nghị thanh toán; - Báo cáo kết quả thực hiện dự án; - Tài liệu đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; - Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu hợp pháp, hợp lệ chứng minh chi phí thực tế phát sinh đối với từng nội dung được hỗ trợ.	
	Điều 8. Hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ 1. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn thành phố. 2. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí môi giới chuyển giao công nghệ; tư vấn pháp lý phục vụ hoạt động chuyển giao công nghệ; tư vấn chuyển giao công nghệ; đánh giá công nghệ; định giá công nghệ; tư vấn lập, đàm phán hợp đồng chuyển giao công nghệ. 3. Điều kiện hỗ trợ: - Công nghệ chuyển giao không thuộc danh	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	mục công nghệ cấm chuyển giao; trường hợp công nghệ hạn chế chuyển giao phải đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; - Hoạt động chuyển giao công nghệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; - Có hợp đồng chuyển giao công nghệ và thực hiện đăng ký chuyển giao công nghệ trong trường hợp pháp luật quy định phải đăng ký; - Nội dung đề nghị hỗ trợ được thực hiện thực tế và có đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ. 4. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thực tế, hợp pháp, hợp lệ để thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này; mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/hợp đồng/năm/đối tượng. 5. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ. 6. Thành phần hồ sơ * Hồ sơ đề nghị hỗ trợ - Văn bản đề nghị hỗ trợ; - Tài liệu chứng minh thuộc đối tượng hỗ trợ; - Hợp đồng chuyển giao công nghệ; - Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ hoặc tài liệu chứng minh việc đăng ký trong trường hợp pháp luật quy định phải đăng ký;	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	- Hợp đồng hoặc thỏa thuận cung cấp dịch vụ đối với các nội dung môi giới, tư vấn, đánh giá, định giá công nghệ; - Thuyết minh khái quát về nội dung, mục tiêu, tiến độ và dự toán chi phí thực hiện nội dung đề nghị hỗ trợ. * Hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ - Văn bản đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ; - Báo cáo kết quả thực hiện; - Tài liệu chứng minh các nội dung được hỗ trợ đã hoàn thành; - Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu hợp pháp, hợp lệ chứng minh chi phí thực tế phát sinh đối với từng nội dung được hỗ trợ.	
- Nghị quyết số 12/2021, Điều 3: hỗ trợ đầu tư ứng dụng, chuyển giao, đổi mới/cải tiến thiết bị công nghệ hiện đại và một số ứng dụng chuyển đổi số. - Nghị quyết số 17/2023: quy định hỗ trợ hoạt động ứng dụng và đổi mới công nghệ. - Nghị quyết số 31/2023: hỗ trợ các hoạt động công nghệ phục vụ doanh nghiệp.	**Điều 9. Hỗ trợ đầu tư công nghệ mới, đổi mới công nghệ và ứng dụng khoa học, công nghệ** 1. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này thực hiện đầu tư công nghệ, đổi mới công nghệ hoặc ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. 2. Nội dung hỗ trợ - Chi phí mua máy móc, thiết bị công nghệ trực tiếp phục vụ hoạt động đầu tư, đổi mới công nghệ và ứng dụng khoa học, công nghệ;	Hợp nhất nhóm đầu tư thiết bị/dây chuyền và chi phí lắp đặt, tích hợp; mức hỗ trợ 30%, tối đa 3 tỷ đồng/dự án/năm.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	- Chi phí mua, tiếp nhận dây chuyền công nghệ; - Chi phí lắp đặt, tích hợp, hiệu chỉnh máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ thuộc dự án; - Chi phí mua, lắp đặt thiết bị đo lường, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm soát chất lượng trực tiếp phục vụ hoạt động đầu tư, đổi mới công nghệ và ứng dụng khoa học, công nghệ; - Chi phí thử nghiệm, kiểm định, đánh giá trực tiếp để đưa máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ vào vận hành. 3. Điều kiện hỗ trợ - Có dự án hoặc phương án đầu tư, trong đó xác định mục tiêu, nội dung, công nghệ, máy móc, thiết bị, tiến độ, kinh phí và hiệu quả dự kiến; - Công nghệ, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ có nguồn gốc rõ ràng, đáp ứng quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn và bảo vệ môi trường; - Đối với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành; - Việc đầu tư, đổi mới công nghệ có khả năng góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, giảm phát thải hoặc nâng cao hiệu quả sản	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	xuất, kinh doanh; - Có năng lực tổ chức thực hiện và bảo đảm phần kinh phí còn lại của dự án. 4. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 30% chi phí thực tế, hợp pháp, hợp lệ của các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này; mức hỗ trợ tối đa 03 tỷ đồng/dự án/năm. 5. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ. 6. Thành phần hồ sơ * Hồ sơ đề nghị hỗ trợ - Văn bản đề nghị hỗ trợ; - Tài liệu chứng minh thuộc đối tượng hỗ trợ; - Dự án hoặc phương án đầu tư; - Hồ sơ, tài liệu về công nghệ, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ dự kiến đầu tư, trong đó thể hiện các thông tin cần thiết về nguồn gốc, thông số kỹ thuật, công suất, hiệu suất và mức tiêu hao nguyên liệu, năng lượng; - Đối với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật; - Tài liệu chứng minh hoặc cam kết bảo đảm phần kinh phí còn lại. * Hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ - Văn bản đề nghị thanh toán; - Báo cáo kết quả thực hiện;	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	- Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu hợp pháp, hợp lệ chứng minh chi phí thực tế phát sinh đối với từng nội dung được hỗ trợ; - Biên bản nghiệm thu, bàn giao và tài liệu chứng minh máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã được đưa vào sử dụng; - Đối với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật.	
- Nghị quyết số 31/2023: có các nội dung thúc đẩy hợp tác, tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng và làm chủ công nghệ.	**Điều 10. Hỗ trợ giới thiệu, kết nối công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới và kết quả nghiên cứu** 1. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này có công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới hoặc kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cần giới thiệu, trình diễn, kết nối và phát triển thị trường. 2. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí thuê gian hàng, không gian trưng bày, giới thiệu công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới và kết quả nghiên cứu; tham gia sự kiện trong trường hợp chương trình, ban tổ chức có quy định thu phí tham dự đối với hoạt động giới thiệu, trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ, thiết bị, sản	Nêu rõ cụ thể đối tượng được hỗ trợ. Ngoài ra, nêu cụ thể địa điểm tổ chức trong và ngoài tỉnh; trong nước và quốc tế. Định mức được tham khảo từ các địa phương tương tự như: Nghệ An, Đà Nẵng.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	phẩm mới và kết quả nghiên cứu; vận chuyển, lắp đặt, trưng bày, trình diễn công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới và kết quả nghiên cứu phục vụ trực tiếp việc tham gia sự kiện. 3. Điều kiện hỗ trợ: - Công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới hoặc kết quả nghiên cứu phù hợp với nội dung của sự kiện; - Có công nghệ, thiết bị, sản phẩm hoặc kết quả nghiên cứu cụ thể để giới thiệu, trưng bày, trình diễn hoặc kết nối; - Được cơ quan có thẩm quyền lựa chọn, chấp thuận hoặc xác nhận tham gia; - Có kế hoạch tham gia, trong đó xác định nội dung, thời gian, địa điểm và dự kiến chi phí. 4. Mức hỗ trợ: - Tối đa 30 triệu đồng/đối tượng/lần đối với sự kiện, hoạt động tổ chức trên địa bàn thành phố Đồng Nai; - Tối đa 50 triệu đồng/đối tượng/lần đối với sự kiện, hoạt động tổ chức tại các tỉnh, thành phố khác trong nước; - Tối đa 150 triệu đồng/đối tượng/lần đối với sự kiện, hoạt động tổ chức ở nước ngoài. Mức hỗ trợ cụ thể căn cứ vào chi phí thực tế, hợp pháp, hợp lệ của các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này và trong phạm vi mức hỗ trợ tối đa nêu trên.	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	5. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hỗ trợ. 6. Thành phần hồ sơ * Hồ sơ đề nghị hỗ trợ - Văn bản đề nghị hỗ trợ; - Tài liệu chứng minh thuộc đối tượng hỗ trợ; - Tài liệu giới thiệu công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới hoặc kết quả nghiên cứu; - Văn bản, tài liệu về việc lựa chọn, chấp thuận hoặc xác nhận tham gia sự kiện; - Kế hoạch tham gia sự kiện. * Hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ - Văn bản đề nghị thanh toán; - Báo cáo kết quả tham gia sự kiện; - Tài liệu chứng minh việc tham gia, trưng bày, giới thiệu, trình diễn hoặc kết nối; - Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu hợp pháp, hợp lệ chứng minh chi phí thực tế phát sinh đối với từng nội dung được hỗ trợ.	
	Điều 11. Hội đồng tư vấn, chuyên gia Tùy theo tính chất, nội dung và mức độ phức tạp của hồ sơ đề nghị hỗ trợ, cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ có thể thành lập Hội đồng tư vấn hoặc lấy ý kiến chuyên gia để tư vấn, đánh giá về các nội dung chuyên môn, công nghệ của hồ sơ.	Quy định nhằm bảo đảm việc xem xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ được thực hiện khách quan, minh bạch, phù hợp với tính chất và mức độ phức tạp của từng hồ sơ. Việc thành lập Hội đồng tư vấn hoặc lấy ý kiến chuyên gia giúp cơ quan có thẩm quyền đánh giá tính cần thiết, tính khả

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Kinh phí tổ chức Hội đồng tư vấn, lấy ý kiến chuyên gia và các hoạt động phục vụ việc xem xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, tài chính và quy định về nội dung, mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố.	thi, hiệu quả dự kiến và nội dung chuyên môn, công nghệ của đề xuất, làm cơ sở quyết định hỗ trợ. Kinh phí thực hiện được quản lý, sử dụng theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, tài chính và chế độ chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 61; điểm c, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 62 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; các quy định về lập, phân bổ và sử dụng ngân sách địa phương cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP. Điểm c, điểm e khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 .	**Điều 12. Nguồn kinh phí thực hiện** Kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, trong phạm vi dự toán chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được cấp có thẩm quyền giao hằng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.	Tuân thủ Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn dự toán sự nghiệp được phân bổ hàng năm. Xác định rõ ràng nguồn chi ngân sách địa phương để bảo đảm cơ sở lập dự toán và phân bổ vốn hàng năm.
Khoản 1, khoản 2 Điều 56 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP; Điều 72 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 về quy định chuyển tiếp; các quy định chuyển tiếp có liên quan của pháp luật chuyên ngành đối với từng chính sách hỗ trợ. Điều khoản chuyển tiếp của Nghị quyết phải phù hợp với quy định chuyển tiếp của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số	**Điều 13. Tổ chức thực hiện** 1. Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về kết quả thực hiện theo quy định. 2. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện chính sách; chủ trì hướng dẫn, tiếp nhận và tổng hợp hồ sơ đề nghị hỗ trợ; phối hợp với các cơ	Bảo đảm tính liên tục của pháp luật, không làm gián đoạn các nhiệm vụ đang triển khai. Kế thừa cơ chế UBND tổ chức thực hiện, HĐND và MTTQ giám sát.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
93/2025/QH15, Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16.	quan, đơn vị có liên quan trong việc xem xét, đánh giá hồ sơ, tổ chức Hội đồng tư vấn hoặc lấy ý kiến chuyên gia khi cần thiết; theo dõi, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện chính sách. 3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách. 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết. 5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.	
Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Điều 53 và các quy định về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15,	**Điều 14. Điều khoản thi hành** 1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày … tháng … năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9	Phù hợp với thể thức ban hành văn bản QPPL và phân định rõ thẩm quyền chấp hành (UBND) và giám sát dân cử (HĐND). Đảm bảo hiệu lực thi hành và tính minh bạch trong toàn bộ quá trình đưa Nghị quyết vào thực tế đời sống.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; các quy định có liên quan của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 Nội dung tại khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân thành phố.	năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về nguyên tắc, điều kiện, nội dung, hình thức, hồ sơ và mức hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 và Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030. 2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để thực hiện Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.	